

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TỈNH BÌNH ĐỊNH  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Số: 10 /QĐ-TTPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 25 tháng 2 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022  
của Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng**

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SKHCN ngày 26/01/2022 về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch công tác và kinh phí năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-SKHCN ngày 27/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tổng hợp – Nghiên cứu Ứng dụng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tổng hợp – Nghiên cứu Ứng dụng, Trưởng các phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đăng website;
- Lưu: TH.



**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Phương

Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng Bình Định

Chương: 417

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-TTPT ngày 25/2/2022)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Nghìn đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| 1          | Lệ phí                                             |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>1.538.000</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>1.538.000</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>823.000</b>    |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 823.000           |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         | <b>715.000</b>    |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     | -                 |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 715.000           |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> |                   |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |

Ngày 25 tháng 2 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Phương